

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-ST

Ngày: 20 – 12 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Tâm.

Ông Nguyễn Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Danh Văn T (Tên thường gọi: Dài), sinh năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã TT, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Gia đình có 04 người con, bị cáo là con út trong gia đình; chưa có vợ, con;

Tiền án: Ngày 22/4/2020, Danh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 30/4/2021.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 21/01/2016, Danh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2021. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Đặng Minh M, sinh năm 1995 tại Bình Thuận;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã TT, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Minh K (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1952; Gia đình có 10 người con, bị cáo là con út trong gia đình; chưa có vợ, con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Trịnh Xuân T1, sinh năm 1994 (Vắng mặt) và Trịnh Thị Tuyết N, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Z, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1964 (Vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Z, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 06/06/2021, Danh Văn T và Đặng Minh M rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô biển số 72H4 – 7947 chở M đi từ thôn Y, xã TT, huyện D đến thôn Z, xã TT, huyện D. Khi đi đến nhà ông Trịnh Xuân Đ trú tại thôn Z, xã TT, huyện D thì T phát hiện nhà ông Đ đã ngủ nhưng không đóng cửa. T dừng xe lại và nói với M “anh M ở ngoài canh người, em vào nhà này xem có gì trộm bán kiếm tiền mai mua mỗi nhậu” thì M đồng ý. T lén lút đi vào nhà ông Đ bằng đường cửa chính của phòng khách, khi đi đến phòng ngủ đầu tiên, T phát hiện có 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus và 01 điện thoại hiệu Iphone 7Plus đang sạc pin ngay chân cầu thang. T dùng tay rút dây sạc pin rồi bỏ hai điện thoại này vào túi quần sau. T tiếp tục đi đến phòng ngủ thứ hai thì phát hiện 01 điện thoại hiệu Redmi note 7 đang sạc pin, T dùng tay rút dây sạc điện thoại rồi cầm điện thoại này trên tay. T quay lại phòng ngủ đầu tiên lục tìm trong túi xách treo trên tường lấy được 40.000 đồng. Lúc này Trịnh Xuân T1 thức dậy và phát hiện T nên truy hô. Nghe vậy, T bỏ chạy ra ngoài đường về hướng của M đang đứng đợi, trong lúc chạy 01 điện thoại hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại hiệu Iphone 7Plus bị rơi tại bãi cỏ gần cổng nhà ông Đ. T1 tiếp tục truy hô và đuổi theo T thì gặp M đang cầm 01 cây chọt ếch đứng trên đường. Nghi ngờ M và T là đồng phạm nên T1 cùng gia đình giữ M lại, còn T chạy thoát. Sau khi chạy thoát, T bỏ trốn vào thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và bán chiếc điện thoại Redmi note 7 được 1.500.000 đồng, dùng số tiền này tiêu xài cá nhân. Ngày

31/08/2021, T được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh mời lên làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại hiệu Iphone 6S màu vàng; 01 điện thoại Iphone 7Plus màu vàng; 01 xe mô tô biển số 72H4 – 7947; 01 đôi dép nhựa màu đen, ghi chữ Sports, kích thước (28 x 10) cm và 01 cây tre dài 2m, một đầu có gắn 02 cây sắt nhọn dài 8cm.

Tại kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 15/07/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh kết luận:

- 01 điện thoại hiệu Redmi note 7, màu đen có giá là 2.500.000 đồng;
- 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus 64GB, màu vàng có giá là 3.000.000 đồng;
- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus 32GB, màu vàng có giá là 5.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra:

Danh Văn T và Đặng Minh M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Trịnh Xuân T1, Trịnh Thị Tuyết N và Trịnh Xuân Đ trình bày: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/6/2021, khi anh T1 đang ngủ ở nhà thì giật mình thức giấc và kiểm tra điện thoại nhưng không thấy. Anh T1 đi ra ngoài phòng khách, thấy Danh Văn T từ trong phòng chị Trịnh Thị Tuyết N đi ra nên anh đã hô lên và đuổi theo T. Khi đuổi tới ngoài đường thì gặp Đặng Minh M nên đã giữ M lại. T đã trộm của anh 01 Redmi note 7 màu đen, trộm của chị N 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus 64GB màu vàng, 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus 32GB màu vàng và 40.000 đồng. Anh T1 yêu cầu Danh Văn T phải trả lại giá trị điện thoại cho anh. Chị N đã nhận lại điện thoại nên chỉ yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 40.000 đồng. Do bận công việc nên quá trình ghi lời khai, anh T1 và chị N đã ủy quyền cho cha là ông Trịnh Xuân Đ tham gia tố tụng cho mình.

Với những tình tiết nêu trên tại Cáo trạng số 68/CT-VKSĐL-HS ngày 27/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh đã truy tố các bị cáo Danh Văn T, Đặng Minh M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của bị hại đã có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 08/12/2021 và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Minh M.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Danh Văn T và Đặng Minh M thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến và nhất trí với kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 15/07/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh. Bị cáo Đặng Minh M trình bày vào ngày 19/12/2021, đã bồi thường cho bị hại số tiền 1.040.000 đồng nhưng không có tài

liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả số tiền trên. Bị cáo T, M đề nghị Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa để xác minh việc bồi thường trên và vẫn đồng ý bồi thường số tiền 2.540.000 đồng.

Đại diện VKSND huyện Đức Linh giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Tuyên bố bị cáo Danh Văn T, Đặng Minh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”*
- *Về hình phạt:*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Danh Văn T mức án 18 đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Minh M mức án từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- *Về dân sự:* Buộc bị cáo Danh Văn T phải bồi thường 2.500.000 đồng cho anh Trịnh Xuân T1 và bồi thường 40.000 đồng cho chị Trịnh Thị Tuyết N.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 01 giờ ngày 06/06/2021, Danh Văn T và Đặng Minh M đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus, 01 điện thoại hiệu Redmi note 7 và 40.000 đồng tại nhà ông Trịnh Xuân Đ trú tại thôn Z, xã TT, huyện D với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.040.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, biết được việc trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật, sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, do đó cần có mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.3] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Danh Văn T là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Đặng Minh M là người giúp sức với mục đích cảnh giới cho bị cáo T vào nhà ông Đ chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần xử phạt bị cáo T mức án cao hơn bị cáo M là phù hợp.

[3.4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Danh Văn T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được người đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Về nhân thân: Ngày 21/01/2016, Danh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

[3.5] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội; Riêng bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục bị cáo là phù hợp

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản nên không xem xét phạt tiền.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 72H4 – 7947 là phương tiện Danh Văn T và Đặng Minh M sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Hiện tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh đang tiến hành xác minh chủ sở hữu để xử lý theo quy định. Do đó cần tiếp tục tạm giữ để xử lý sau là phù hợp.

- 01 đôi dép nhựa màu đen, ghi chữ Sports, kích thước (28 x 10) cm không liên quan hành vi phạm tội đã trả lại cho Danh văn T là phù hợp.

- 01 cây tre dài 2m, một đầu có gắn 02 cây sắt nhọn dài 8cm không liên quan hành vi phạm tội đã trả lại cho Đặng Minh M là phù hợp.

- 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng là tài sản của bị hại đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo M trình bày đã bồi thường được số tiền 1.040.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã bồi thường số tiền trên, các bị cáo không đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh sự việc trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận số tiền đã bồi thường như lời khai của bị cáo M.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 2.540.000 đồng cho bị hại nên cần chấp nhận. Xét mức độ thiệt hại gây ra chủ yếu do Danh Văn T nên cần buộc T phải bồi thường số tiền nhiều hơn là phù hợp. Do đó, buộc Danh Văn T phải bồi thường 1.500.000 đồng cho anh Trịnh Xuân T1 và bồi thường 40.000 đồng cho chị Trịnh Thị Tuyết N; buộc Đặng Minh M bồi thường 1.000.000 đồng cho anh Trịnh Xuân T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Riêng

về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại do đó cần buộc các bị cáo phải bồi thường để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại.

[7] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Danh Văn T và Đặng Minh M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Danh Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/9/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Minh M 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án 20/12/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã TT để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 288; Điều 289; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015:

Buộc Danh Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trịnh Xuân T1 số tiền 1.500.000 đồng và bồi thường cho chị Trịnh Thị Tuyết N số tiền 40.000 đồng.

Buộc Đặng Minh M phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trịnh Xuân T1 số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Danh Văn T, bị cáo Đặng Minh M mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20/12/2021). Bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Đức Linh;
- Nhà tạm giữ công an huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TT;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VP, HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa